

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày: 24/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn C; Tên gọi khác: N; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 08/9/1986, tại Gia Lai; NĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 1, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lương Thi C và bà Nguyễn Thị Đ; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2021 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Duy K; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09/6/2000, tại Gia Lai; NĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2021 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

3. Vi T; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03/10/2003, tại Bình Phước; NĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Làng K, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con bà Vi Thị T1 (Cha không xác định được); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2021 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Quốc Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 30/10/2000, tại Bình Phước; NĐKHKTT: Ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở trước khi phạm tội: Làng K, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Sửa xe; Con ông Nguyễn Quốc Đ1 và bà Đặng thị Ánh T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2021 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vi T:* Ông Lê Đình Quốc – Luật sư trợ giúp pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai; Địa chỉ: Số 46 Lê Thánh Tôn, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vi T:* Ông Vi Ngọc H; Sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Làng K, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Puih D; Sinh năm: 1965; Địa chỉ cư trú: Làng K, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Puih H; Sinh ngày: 20/7/2004 (Bà Puih D là người đại diện hợp pháp); Địa chỉ cư trú: Làng K, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Đ; Sinh năm: 1962; Địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Puih Djên – Công tác tại Công an huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 04/2021, bị cáo Lương Văn C đã mua ma túy của một người đàn ông chạy xe thô (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) tại khu vực phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tổng cộng 03 lần, mỗi lần 500.000 đồng, sau đó đem về chia ra để sử dụng và bán lại cho Nguyễn Duy K, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ ngày 14/3/2021, bị cáo Vi T gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Duy K rủ mua ma túy về sử dụng, bị cáo K đồng ý. Sau đó, bị cáo T đến nhà bị cáo K và đưa cho bị cáo K số tiền 500.000 đồng để mua ma túy. Bị cáo K gọi điện thoại cho bị cáo Lương Văn C hỏi mua ma túy thì bị cáo C nói chuyển tiền vào tài khoản ví MoMo của bị cáo C. Bị cáo K và bị cáo T đến cửa hàng điện thoại di động Quang Huy của anh Nguyễn Quang T chuyển tiền dịch vụ vào tài khoản ví MoMo của bị cáo C số tiền 470.000 đồng và gọi điện thoại thông báo cho bị cáo C. Sau khi đã nhận tiền, bị cáo C bỏ 01 gói ma túy vào bao thuốc lá con Ó mang đến để ở lề đường gần cổng trường tiểu học Lê Quý Đôn thuộc thôn 1, xã K, huyện G rồi gọi điện thoại chỉ chỗ cho bị cáo K ra lấy mang về cùng với bị cáo T sử dụng hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 20 giờ ngày 13/4/2021. bị cáo T tiếp tục gọi điện thoại rủ bị cáo K tìm chỗ mua ma túy về sử dụng. Sau đó, bị cáo T qua nhà bị cáo K và đưa cho bị cáo K số tiền 500.000 đồng. Bị cáo K gọi điện cho bị cáo C hỏi mua ma túy thì bị cáo C nói chuyển tiền qua tài khoản ví MoMo cho bị cáo C. Do đã muộn nên không có chỗ chuyển tiền nên bị cáo K gọi điện thoại cho bị cáo C, bị cáo C nói bị cáo K bỏ tiền vào bao thuốc con Ó và mang đến ném trước Bưu điện thuộc thôn 1, xã K cho C. Khi bị cáo K và bị cáo T đến điểm hẹn thấy bị cáo C đang đứng gần đó thì bị cáo K ném bao thuốc lá bên trong có 500.000 đồng về phía bị cáo C rồi điều khiển xe máy đi. Một lúc sau, bị cáo C gọi điện thoại cho bị cáo K nói để ma túy chỗ cột sắt trước Bưu điện thì bị cáo K ra lấy mang về cùng với bị cáo T sử dụng hết

Lần thứ 3: Vào khoảng 11 giờ ngày 15/4/2021, bị cáo Nguyễn Quốc Đ và bị cáo Vi T đi đám cưới tại làng Dăng, xã Ia O và ngồi cùng bàn với nhau, bị cáo T hỏi bị cáo Đ có chơi ma túy đá không thì bị cáo Đ nói bị cáo T kiếm chỗ mua ma túy về sử dụng chung. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo Đ đưa cho bị cáo T số tiền 500.000 đồng để mua ma túy. Sau đó, bị cáo T nói bị cáo K mua ma túy về để cả nhóm sử dụng chung, bị cáo K gọi điện thoại cho bị cáo C hỏi mua ma túy và chuyển vào tài khoản ví MoMo của bị cáo C số tiền 470.000 đồng như những lần trước, bị cáo C nhận tiền xong thì gọi điện thoại nói bị cáo K ra chỗ cột sắt trước Bưu điện thôn 1, xã K để lấy ma túy. Sau khi lấy ma túy xong, bị cáo K và bị cáo T đi về làng Bi, xã Ia O và gọi bị cáo Đ ra để cùng sử, khi bị cáo K và bị cáo T đi đến khu vực làng Kloong, xã Ia O thì bị Công an huyện phát hiện và bắt quả tang.

Tại Kết luận số 293/KLGĐ ngày 23/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chất rắn màu trắng dạng tinh thể trong một đoạn ống nhựa trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,3367 gam.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 30/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Lương Văn C về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Duy K, Vi T, Nguyễn Quốc Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn C từ 04 năm - 05 năm tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K từ 02 năm – 02 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vi T từ 01 năm 06 tháng – 02 năm tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ từ 12 – 15 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu để tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là 01 bì Công văn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: tại mép dán mặt sau có 05 dấu tròn của Phòng KTHS, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký; các vật không có giá trị sử dụng gồm 01 túi xách màu đen có chữ adidas bên trong túi xách có 1 bật lửa màu trắng; 01 ống hút bằng nhựa màu xanh trắng; 01 nắp nhựa màu đen có gắn ống thủy tinh trong suốt và ống nhựa màu trắng; 01 bật lửa màu xanh trắng đã qua sử dụng; 01 chai thủy tinh trên nắp chai có gắn một nỏ thủy tinh và một ống nắp bằng nhựa màu trắng; 01 cái kéo bằng kim loại màu trắng; 05 ống thủy tinh; 16 ống nhựa màu trắng; 01 ví da màu đen; 01 túi vải màu xanh; 10 ống hút bằng nhựa; Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước vật dùng vào việc phạm tội gồm 01 điện thoại di động hiệu ITEL có số IMEI 359623092222427 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 có số IMEI 357732100569018 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Nokia 1280 có số IMEI 354644/05/37669519 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 có số IMEI 860028041696873 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro có số IMEI 1: 353237105071626 màu xanh đã qua sử dụng; Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước số tiền do mua bán trái phép chất ma túy mà có của bị cáo C là 1.440.000 đồng (trong số tiền 37.640.000 đồng. Số tiền còn lại không liên quan đến tội phạm là 36.200.000 đồng được trả lại cho bà Nguyễn Thị Đào là 36.000.000 đồng (và trả lại cho bị cáo Lương Văn C là 200.000 đồng; Trả lại cho bà Puih D là chủ sở hữu hợp pháp của 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, dung tích 150, màu sơn đỏ - đen mang, biển kiểm soát 81B2-13102, có số khung 0616HY444657, số máy G3D4E465179, xe đã qua sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo Vi T nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo mức án không quá 18 - 24 tháng tù.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn C công nhận bị cáo là người đã mua ma túy của một người đàn ông chạy xe thò tại khu vực phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tổng cộng 03 lần, mỗi lần 500.000 đồng, sau đó đem về chia ra để sử dụng và bán lại cho bị cáo Nguyễn Duy K vào ngày 14/3/2021 với số tiền là 470.000 đồng, ngày 13/4/2021 với số tiền là 500.000 đồng và ngày 15/4/2021 với số tiền là 470.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Duy K, Vi T công nhận ngày 14/3/2021 mua ma túy của bị cáo Lương Văn C với số tiền là 470.000 đồng, ngày 13/4/2021 mua ma túy của bị cáo Lương Văn C với số tiền là 500.000 đồng để sử dụng; Bị cáo Vi T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Quốc Đ công nhận ngày 15/4/2021 mua ma túy của bị cáo Lương Văn C với số tiền 470.000 đồng để sử dụng thì bị Công an huyện G phát hiện bắt quả tang, thu giữ số ma túy đã được giám định là loại Methamphetamine, khối lượng 0,3367 gam. Các bị cáo Lương Văn C, Vi T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Quốc Đ đều công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã mô tả đúng hành vi của mình đã thực hiện.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lương Văn C đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Nguyễn Duy K, Vi T, Nguyễn Quốc Đ đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo theo các tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây ra nhiều hiểm họa cho cộng đồng và làm gia tăng các tệ nạn xã hội. Bản thân các bị cáo hoàn

toàn nhận thức được Methamphetamine là chất ma túy cực kỳ nguy hại đối với sức khỏe con người, là chất gây nghiện đã bị nhà nước nghiêm cấm tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép. Bản thân bị cáo Lương Văn C vì hám lợi từ việc bán trái phép chất ma túy nên đã phạm tội. Bị cáo K và T là người nghiện ma túy, bị cáo Đ là người bị rủ rê và muốn sử dụng chất ma túy để giảm đau đầu do tai nạn giao thông nên đã mua ma túy để tàng trữ nhằm mục đích sử dụng.

[4] Đối với bị cáo Lương Văn C không phải là đồng phạm với các bị cáo khác, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của bị cáo đã góp phần làm gia tăng tình trạng mua bán để sử dụng trái phép chất ma túy trong cộng đồng nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nặng nhất đối với bị cáo trong vụ án này. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, trong quá trình điều tra đã tích cực cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra để phát hiện tội phạm trong vụ án khác, có xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tích cực cung cấp thông tin cho cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm”, đây là tình tiết cần được quan tâm, đánh giá đầy đủ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Đồng thời, bị cáo cũng có ông là liệt sỹ, bà là người có công với cách mạng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và khuyến khích người phạm tội nhận ra vi phạm của bản thân, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong việc phát hiện, ngăn chặn kịp thời các loại tội phạm khác.

[5] Các bị cáo Nguyễn Duy K, Vi T, Nguyễn Quốc Đ là đồng phạm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn. Các bị cáo phạm có vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác nhau nên Hội đồng xét xử xem xét để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Duy K là người nghiện ma túy, khi bị cáo Vi T gọi điện thoại rủ mua ma túy 03 lần về để cùng sử dụng là đồng ý ngay và tích cực trong việc liên hệ với bị cáo Lương Văn C để mua ma túy. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do 02 lần tàng trữ ma túy để sử dụng trước đó theo lời khai của các bị cáo là vào ngày 14/3/2021 và ngày 13/4/2021 Cơ quan điều tra không thu giữ được ma túy nên không xác định được trọng lượng nhưng đây cũng là căn cứ để xác định các bị cáo có ý thức mua ma túy về sử dụng nhiều lần khi quyết định hình phạt. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo khi phạm tội là người đủ 18 tuổi nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nặng hơn so với bị cáo Vi T và Nguyễn Quốc Đ, bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Đối với bị cáo Vi T là đồng phạm với vai trò là người thực hành tội phạm tích cực. Bị cáo là người nghiện ma túy nên đã 03 lần chủ động gọi điện thoại và đưa tiền cho bị cáo K để mua ma túy về cùng sử dụng. Bị cáo cũng không có tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” như bị cáo K. Bị cáo khi phạm tội khi mới 17 tuổi 06 tháng 12 ngày là người dưới 18 tuổi. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù nhẹ nhất nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đ là đồng phạm tham gia tội phạm ít tích cực nhất so với các bị cáo khác. Bị cáo cũng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo không phải là người nghiện ma túy, lời khai của bị cáo và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 24/05/2020 bị cáo bị tai nạn giao thông dẫn đến chấn thương sọ não/xuất huyết khoang dưới nhện/dập não trán/ đa tổn thương, điều trị đến ngày 30/5/2020 thì xuất viện. Trong thời gian điều trị ở nhà thì bị cáo thường xuyên bị đau đầu, bị cáo tìm hiểu nghe nói dùng ma túy giúp giảm các cơn đau đầu nên đã nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng, khi đi đám cưới thì bị cáo Vi T đã gợi ý về việc mua ma túy để sử dụng nên bị cáo đã đưa cho bị cáo T số tiền 500.000 đồng góp mua ma túy. Bị cáo chưa kịp sử dụng thì biết được việc bị cáo T và K đã bị Công an bắt nên ngay hôm sau đã đến Công an đầu thú. Bị cáo làm nghề sửa xe máy, cha mẹ thường xuyên đau ốm, là lao động chính của gia đình đã được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo do thiếu hiểu biết muốn sử dụng ma túy để giảm đau đầu do tai nạn giao thông nên đã góp tiền mua ma túy để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì các bị cáo khác đã bị bắt, chưa có tiền án tiền sự gì, sức khỏe không tốt do di chứng của tai nạn giao thông, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được trực tiếp lao động cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, thể hiện rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử tịch thu để tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là 01 bì Công văn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: tại mép dán mặt sau có 05 dấu tròn của Phòng KTHS, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký; các vật không có giá trị sử dụng gồm 01 túi xách màu đen có chữ adidas bên trong túi xách có 1 bật lửa màu trắng; 01 ống hút bằng nhựa màu xanh trắng; 01 nắp nhựa màu đen có gắn ống thủy tinh trong suốt và ống nhựa màu trắng; 01 bật lửa màu xanh trắng đã qua sử dụng; 01 chai thủy tinh trên nắp chai có gắn một nõ thủy tinh và một ống nắp bằng nhựa màu trắng; 01 cái kéo bằng kim loại màu trắng; 05 ống thủy tinh; 16 ống nhựa màu trắng; 01 ví da màu đen; 01 túi vải màu xanh; 10 ống hút bằng nhựa; Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước vật dùng vào việc phạm tội gồm 01 điện thoại di động hiệu IteI có số IMEI 35962309222427 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 có số IMEI 357732100569018 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có số IMEI 354644/05/37669519 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di

động nhãn hiệu OPPO A9 có số IMEI 860028041696873 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro có số IMEI 1: 353237105071626 màu xanh đã qua sử dụng; Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước số tiền do mua bán trái phép chất ma túy mà có của bị cáo C là 1.440.000 đồng trong số tiền 37.640.000 đồng. Số tiền còn lại không liên quan đến tội phạm là 36.200.000 đồng được trả lại cho bà Nguyễn Thị Đào là 36.000.000 đồng (và trả lại cho bị cáo Lương Văn C là 200.000 đồng; Trả lại cho bà Puih D là chủ sở hữu hợp pháp của 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, dung tích 150, màu sơn đỏ - đen mang, biển kiểm soát 81B2-13102, có số khung 0616HY444657, số máy G3D4E465179, xe đã qua sử dụng.

[10] Đối với đối tượng chạy xe thô bán ma túy cho bị cáo C theo lời khai của bị cáo, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nên tách ra tiếp tục điều tra, xác định được sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[11] Đối với anh Puih H là người mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 81B2-13102 của bà Puih D để đi lại và cho bị cáo Vi T mượn xe, không biết việc bị cáo T sử dụng xe đi lại để mua ma túy về sử dụng nên hành vi này không cấu thành tội phạm.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Các bị cáo Nguyễn Duy K, Vi T, Nguyễn Quốc Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn C 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 16/4/2021).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/4/2021).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Vi T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/4/2021).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Quốc Đ về cho Ủy ban nhân dân xã Ia O, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Quốc Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường

hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Nguyễn Quốc Đ ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Lương Văn C, Nguyễn Duy K, Vi T để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu để tiêu hủy 01 bì Công văn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: tại mép dán mặt sau có 05 dấu tròn của Phòng KTHS, nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký; 01 túi xách màu đen có chữ adidas bên trong túi xách có 1 bật lửa màu trắng; 01 ống hút bằng nhựa màu xanh trắng; 01 nắp nhựa màu đen có gắn ống thủy tinh trong suốt và ống nhựa màu trắng; 01 bật lửa màu xanh trắng đã qua sử dụng; 01 chai thủy tinh trên nắp chai có gắn một nõ thủy tinh và một ống nắp bằng nhựa màu trắng; 01 cái kéo bằng kim loại màu trắng; 05 ống thủy tinh; 16 ống nhựa màu trắng; 01 ví da màu đen; 01 túi vải màu xanh; 10 ống hút bằng nhựa.

Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ITEL có số IMEI 359623092222427 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 có số IMEI 357732100569018 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có số IMEI 354644/05/37669519 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 có số IMEI 860028041696873 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro có số IMEI 1: 353237105071626 màu xanh đã qua sử dụng.

Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 1.440.000 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) trong số tiền 37.640.000 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền còn lại là 36.200.000 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) được trả lại cho bà Nguyễn Thị Đào là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) và trả lại cho bị cáo Lương Văn C là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Puih D 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, dung tích 150, màu sơn đỏ - đen mang, biển kiểm soát 81B2-13102, có số khung 0616HY444657, số máy G3D4E465179, xe đã qua sử dụng.

Các vật chứng nói trên có đặc điểm như nội dung biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc các bị cáo Lương Văn C, Nguyễn Duy K, Vi T, Nguyễn Quốc Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo chưa đủ 18 tuổi, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người bào chữa
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã K, O;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HSVA; THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính